

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2018

V/v tranh chấp nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thọ Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vân Anh;

2. Ông Trần Văn Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1984;

Cư trú tại: Số 18, đường Trần Văn T, tổ 7, khu phố 7, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1983;

Hộ khẩu thường trú: Phường H, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh;

Cư trú tại: Số 18, đường Trần Văn T, tổ 7, khu phố 7, thị trấn T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh N bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên dần dần không còn tình cảm vợ chồng. Mặc dù chị và anh N sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án xử không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2015, hiện đang sống cùng với anh chị. Chị T yêu cầu được quyền nuôi cháu Nhân, Chị T tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N thừa nhận những lời trình bày của chị Võ Thị T về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như thời gian sống ly thân là đúng. Nay chị T yêu cầu không công nhận chị T và anh N là vợ chồng, anh N cũng đồng ý theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về con chung. Anh N đồng ý giao cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2015 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Võ Thị T, anh Nguyễn Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2015 cho chị Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi

nhận chị Võ Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2013, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị T và anh N không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay chị T yêu cầu không công nhận chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2015, hiện đang sống với chị T và anh N. Chị T yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu N; không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 9, 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2015 cho chị Võ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Võ Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Võ Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Nguyễn Văn N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005620 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thọ Cường